TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 318/2019/HS-ST
Ngày 26 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Giáo.

2. Ông Nguyễn Thành Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Thượng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 393/2019/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3571/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Trí Đ; giới tính: Nam; sinh ngày 16/6/1989; tại CT; nơi ĐKTT: ấp P, xã T, huyện V, thành phố CT; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; con ông Lê Trí H và bà Nguyễn Thị B; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Tại bản án số 39/2013/HSST ngày 09/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2014.

Tại bản án số 208/2018/HSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản";

Tại bản án số 43/2018/HSST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/7/2018 trong vụ án khác; (có mặt).

Bị hại: Chị A, sinh năm 1994, quốc tịch: Ba Lan; số hộ chiếu: EC xxxx; chỗ ở: Phòng 02, nhà số 02 đường số 01, KDC S, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Bị đơn dân sự: Công ty TNHH DV X, địa chỉ trụ sở: 03 đường E, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự: Ông Trần Văn L, chức vụ: Phó Giám đốc nghiệp vụ là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 26/8/2019) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/02/2017, Lê Trí Đ từ nhà ở ấp P, xã T, huyện V, thành phố CT lên Thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm. Ngày 06/02/2017, thông qua một người em tên N, giới thiệu Đ gặp anh Phan Hữu H (Đội trưởng đội bảo vệ) Công ty TNHH dịch vụ X (có trụ sở tại địa chỉ: 113 đường I, phường F, quận G). Tại đây, Đức đưa cho anh H 01 CMND bản chính mang tên Lê Trí Đ và hẹn vài ngày nữa sẽ về xã T làm sơ yếu lý lịch rồi nộp cho công ty. Anh H đồng ý và phân công cho Đ trực mục tiêu bảo vệ Ngân hàng TMCP PĐ – Chi nhánh Quận 4 (địa chỉ: 05 Y, Phường Z, Quận R). Do không có nơi ở cố định nên Đ được anh H bố trí ngủ ở phòng bảo vệ KDC S, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 08/02/2017, anh H bố trí Đ cùng với nhân viên bảo vệ Nguyễn Phước K trực mục tiêu tại căn hộ nhà số 02, đường số 01, KDC S phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, thời gian từ 19 giờ đêm hôm trước đến 07 giờ sáng hôm sau. Khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, anh K đi ra ngoài ăn tối nên nói Đ ở lại trực. Lúc đó, Đ nhìn qua camera an ninh ở phòng bảo vệ thấy có 02 người khách nước ngoài gồm 01 nữ, 01 nam khóa cửa phòng đi xuống đến phòng bảo vệ, chị A (quốc tịch Ba Lan) đưa chìa khóa phòng cho Đ giữ. Lúc đó, Đ thấy trên chìa khóa phòng có thẻ ghi số 2.2 (tức là phòng số 2, nhà số 2) nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Đ ngắt camera an ninh rồi đi cầu thang bộ lên lầu 1 đến phòng số 2, dùng chìa khóa mở cửa phòng, thấy trong phòng có 01 (một) máy Laptop nhãn hiệu SamSung i32370 màu xám để ở giường ngủ; 01 (một) máy Ipad Air 2 loại 64Gb màu bạc; 01 (một) điện thoại di động Iphone 4S 16Gb màu đen; 01 (một) cục sạc

điện thoại Iphone và Ipad; 01 (một) đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Citizen màu bạc; 01 (một) hộp thuốc lá điện tử và khoảng 10.000.000 (mười triệu đồng) tiền mặt để ở trên bàn. Đ lấy túi ni lông nhựa có sẵn trong phòng bỏ tất cả tài sản trên vào túi, riêng tiền thì Đ bỏ vào túi quần rồi đi xuống để lấy chìa khóa phòng ở phòng bảo vệ. Đ mở camera lại rồi đi bộ ra gần trạm thu phí bắt xe taxi (không nhớ hãng xe taxi nào) chạy đến đường HHL thuộc khu vực quận BT (Đ biết được đường HHL trước đó là do Đ có thời gian sinh sống ở đây) thì dừng lại xuống xe và trả hết 60.000 đồng (sáu mươi ngàn đồng). Đức đi bộ trên đường HHL tìm được cửa hàng điện thoại di động (không nhớ tên, địa chỉ), đã bán máy Laptop và Ipad với giá 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Sau đó, Đ đón xe ôm đến tiệm game bắn cá (không nhớ tên, địa chỉ) trên đường KDV gần bến xe M thuộc phường N, quận BT, Đchơi game bắn cá thua hết 14.300.000 đồng (mười bốn triệu ba trăm ngàn đồng) nên chỉ còn lại 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng). Sau đó, Đ đón xe khách đi về nhà chị ruột tên Lê Thị O tại tỉnh U. Đ ở lại chơi được vài ngày nhưng do không có tiền tiêu xài nên Đ đến tiệm game bắn cá (không rõ tên, địa chỉ) ở U cầm Iphone 4S được 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) và dùng số tiền đó chơi game bắn cá thua hết. Riêng chiếc đồng hồ hiệu Citizen, Đ không nhớ bỏ ở đâu.

Ngoài ra, từ ngày 06/06/2018 đến ngày 22/06/2018, Lê Trí Đ còn thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại thành phố RG, tỉnh KG và 01 vụ tại thành phố HT, tỉnh KG. Ngày 26/07/2018, Đ bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố RG, tỉnh KG bắt, tạm giam về tội "Trộm cắp tài sản".

Tại cơ quan điều tra, bị can Lê Trí Đ đã khai nhận hành vi phạm tội tại phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐĐGTTHS ngày 27/03/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân Quận 7, kết luận:

- 01 máy tính Laptop nhãn hiệu SamSung i32370 màu xám cùng bộ sạc pin có giá trị 4.000.000 đồng;

- 01 (một) máy tính bảng Ipad Air 2 loại 64Gb màu bạc có giá trị 7.000.000 đồng;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 4S 16Gb màu đen có giá trị 1.000.000 đồng;

Tổng cộng: 12.000.000 đồng.

Tài sản không xác định giá trị: 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Citizen màu bạc, 01 hộp thuốc lá điện tử.

Tại bản cáo trạng số 166/CT-VKS-P2 ngày 24/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Trí Đ về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo Lê Trí Đ về tội: "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Lê Trí Đ từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù. Tổng hợp hình phạt này với hình phạt tù tại hai bản án bị cáo đang chấp hành buộc chấp hành hình phạt chung.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn dân sự yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng.

Bị cáo đồng ý hoàn trả số tiền theo yêu cầu của phía bị đơn dân sự, không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo Lê Trí Đ tại phiên tòa cơ bản phù hợp với biên bản trình báo nguồn tin, biên bản tiếp nhận tố giác, biên bản nhận dạng, biên bản ghi lời khai bị hại, bản tự khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 08/02/2017, Lê Trí Đ là nhân viên bảo vệ thuộc công ty TNHH dịch vụ X, lợi dụng lúc được phân công trực bảo vệ tại địa chỉ nhà số 02 đường số 01, KDC S, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, khi chị A đi ra ngoài và đưa chìa khóa phòng 2.2 cho Đ giữ thì Đ đã dùng chìa khóa mở cửa phòng lấy trộm 01 máy laptop nhãn hiệu Samsung i32370 màu xám, 01 máy Ipad Air 2 loại 64 Gb màu bạc, 01 điện thoại di động Iphone 4S 16Gb màu đen, 01 cục sạc điện thoại Iphone và Ipad; 01 đồng hồ Citizen màu bạc, một hộp thuốc lá điện tử và khoảng 10.000.000 đồng tiền mặt. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt qua định giá và tiền mặt là 22.000.000 đồng.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác, trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo nhận

thức được hành vi của mình nhưng do cần tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản có tổng giá trị là 22.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, nhiều lần bị xét xử đều vì hành vi trộm cắp tài sản nên về hình phạt đặt ra phải nghiêm, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục họ ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt do bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[2] Về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án: Nhân thân của bị cáo đang chấp hành hình phạt tù của hai bản án đã có hiệu lực pháp luật, cụ thể: 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 208/2018/HSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 43/2018/HSST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên phải tổng hợp hình phạt với bản án này và buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Xét cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo Lê Trí Đ về khung, điều luật và tội danh như đã viện dẫn trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét phần luận tội của Kiểm sát viên là đồng quan điểm với Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của họ. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Trách nhiệm dân sự: Ngày 16/3/2017, Công ty TNHH dịch vụ X đã thỏa thuận bồi thường cho chị A số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa phía Công ty yêu cầu bi cáo Đức hoàn trả lại số tiền này, bị cáo là người gây ra thiệt hại cho bị hại về tài sản và cũng đồng ý hoàn trả số tiền này cho phía

công ty là phù hợp với quy định tại Điều 3, Điều 597 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lê Trí Đ 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Tổng hợp hình phạt này với hình phạt 12 tháng tù tại bản án 208/2018/HSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và 02 năm 06 tháng tù tại bản án 43/2018/HSST ngày 26/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2018.

Căn cứ Điều 3, Điều 597 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận bị cáo Lê Trí Đ tự nguyện hoàn trả số tiền 30.000.000 đồng cho Công ty TNHH dịch vụ X.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo Lê Trí Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị đơn dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Lê Giáo **Nguyễn Thành Châu** **Bùi Đức Nam**